

Bản án số: 77/2020/HS-PT
Ngày 18 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh và ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 14 và 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1987; sinh trú quán: Thôn S, xã Đ, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Cán bộ Hạt kiểm lâm T1; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Lê D, sinh năm 1957 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2009/HSST ngày 30/3/2009 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019 được tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: Khổng Văn N, sinh năm 1984; sinh trú quán: Thôn S1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn M và bà Trần Thị M1 đều sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HSST ngày 03/6/2020 của Tòa án Quân sự khu vực 2 - Quân khu 2 xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, hiện nay bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019 được tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: Trần Minh C, sinh năm 1990; sinh trú quán: Thôn S1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; có vợ là Hoàng Thị B, sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân: Bản án hình sự số: 11/2012/HSST ngày 17/01/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019 được tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: Phạm Đình D1, sinh năm 1985; sinh trú quán: Thôn S1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ2 và bà Trần Thị V đều sinh năm 1954; có vợ là Hà Thị V1, sinh năm 1988 và có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị cáo không có kháng cáo được Tòa án triệu tập: Nguyễn Minh Đ1, sinh năm 1973; trú tại: Thôn S1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C, Phạm Đình D1 bao gồm:

1. Ông Trần Đình Triển, Luật sư Văn phòng Luật sư Vì Dân - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

2. Bà Bùi Thị Thủy, Luật sư Văn phòng Luật sư Vì Dân - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn S1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/3/2019, tại gia đình ông Trần Văn Dân (vợ tên là Kiệm) ở thôn S1, xã Đ, huyện T1 tổ chức cưới con gái. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Phạm Văn T, Khổng Văn N, Phạm Đình D1, Trần Minh C và các anh Phạm Văn Dương, anh Nguyễn Văn Lý, anh Nguyễn Đ1 Hồ, anh Nguyễn Văn Đạo, anh Trần Văn Thu, anh Trần Văn Toàn đến nhà ông Dân để ăn cỗ cưới. Do còn sớm nên mọi người đến nhà anh Nguyễn Văn A (giáp nhà ông Dân) ngồi chơi uống nước. Lúc

này, dưới nền nhà có 01 chiếu trải sẵn và 01 bộ bài tú lơ khơ, Phạm Văn T nói “Ai đánh sâm 5.000đ/01 lá để chờ uống rượu thì ngồi xuống đây”, N, C và D1 đồng ý, còn lại Dương, Lý, Toàn, Hồ, Đạo và Thu không tham gia chơi mà ngồi bàn uống nước. Các bị cáo T, N, C, D1 ngồi xuống chiếu, thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh “Sâm” ăn tiền, thống nhất mức sát phạt nhau 5.000đ/01 lá bài còn lại, ai bị treo trả cho người thắng 70.000đ; ai được sâm thì mỗi người tham gia chơi phải trả 100.000đ (người có sâm thu tổng số 300.000đ); ai báo sâm mà bị chặn thì người báo sâm trả cho người bắt được sâm 300.000đ.

Các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C và Phạm Văn D1 cùng nhau đánh bạc đến hơn 14 giờ cùng ngày thì D1 nghỉ chơi đứng dậy ra về, lúc này Nguyễn Minh Đ1 xin tham gia. Khi Đ1 ngồi xuống chiếu thì N hỏi “Chú có tiền không mà chơi?”, Đức nói “Có” và lấy ra 1.000.000đ (gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ) để N, Tiếp và Chiến chứng thực. Phạm Văn T chia bài chơi tiếp, khi Đ1 vừa cầm bài lên (chưa kịp đánh được lá bài nào) thì Công an huyện T1 phát hiện bắt quả tang, Trần Minh C vơ tiền trên chiếu nhảy lên giường cạnh đó nằm đã bị Công an phát hiện, thu giữ số tiền C vơ trên chiếu rồi bỏ xuống chiếu.

Vật chứng thu giữ gồm: Trên chiếu bạc số tiền là 2.575.000đ, 52 quân bài tú lơ khơ (tiền và quân bài được cho vào trong phong bì thư niêm phong, có ký giáp lai), 01 chiếc chiếu nan đã cũ; thu trên người N số tiền 2.700.000đ và 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel; thu của C 01 điện thoại Iphone 6 và số tiền 1.230.000đ; thu của Đ1 01 điện thoại nhãn hiệu Mi và số tiền 1.000.000đ; thu của Phạm Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 và số tiền 540.000đ.

Quá trình bắt giữ việc phạm tội quả tang, cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Nguyễn Văn Đạo 470.000đ, thu của anh Nguyễn Văn A 980.000đ, thu của anh Nguyễn Văn Lý 800.000đ, thu của anh Phạm Văn Dương 200.000đ và thu của anh Nguyễn Đ1 Hồ 500.000đ.

Do nơi bắt phạm tội quả tang ngay cạnh đám cưới, tình hình phức tạp nên Công an huyện T1 đưa những người tham gia đánh bạc và liên quan về trụ sở Công an huyện T1 để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và ghi lời khai.

Phạm Đình D1 bỏ trốn, đến ngày 11/4/2019 thì Diễm ra đầu thú và giao nộp số tiền 230.000đ sử dụng vào việc phạm tội.

Quá trình giải quyết vụ án đã xác định tổng số tiền các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C, Phạm Đình D1 và Nguyễn Minh Đ1 sử dụng vào việc thực hiện tội phạm là 8.275.000đ. Trong đó bị cáo Phạm Văn T có 540.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc thực hiện tội phạm, lúc bị bắt quả tang không thua, không thắng; bị cáo Khổng Văn N có 3.050.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc, N đã bỏ ra trước 350.000đ để đánh bạc và để trên chiếu, số tiền còn lại là 2.700.000đ vẫn giữ trong người, nếu thua sẽ tiếp tục lấy ra để đánh bạc; bị cáo Trần Minh C có 700.000đ sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc, khi bị bắt đang thắng 530.000đ nên Công an thu giữ trên

người số tiền là 1.230.000đ; bị cáo Nguyễn Minh Đ1 có 1.000.000đ, khi vừa ngồi xuống chiếu đã lên bài chưa kịp đánh thì bị bắt giữ; bị cáo Phạm Đình D1 có 800.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc thực hiện tội phạm, khi D1 ra về bị thua 570.000đ và còn lại số tiền 230.000đ giao nộp khi đầu thú.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1 đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Không Văn N, Trần Minh C và Phạm Đình D1 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Không Văn N 01 (một) năm tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Minh C 01 (một) năm tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Đình D1 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ1; quyết định hình phạt bổ sung, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/02/2020 các bị cáo Phạm Văn T, Trần Minh C và Phạm Đình D1 có đơn kháng cáo với nội dung, đó là: Quá trình điều tra có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, vi phạm về thu giữ vật chứng là số tiền sử dụng vào việc thực hiện tội phạm; có dấu hiệu của việc mớm cung, dụ cung...; ngày 20/02/2020 bị cáo Không Văn N có đơn kháng cáo với nội dung có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc triệu tập những người tham gia tố tụng; đánh giá chứng cứ chưa phù hợp với bản chất của vụ án; ngày 24/02/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo với nội dung việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng với diễn biến thực tế của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và không xem xét

kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T1.

Các bị cáo và Luật sư bào chữa có quan điểm: Biên bản phạm pháp quả tang do cơ quan điều tra lập không đúng thời gian, địa điểm, nội dung không đúng với sự thật khách quan của vụ án nên không có giá trị chứng minh tội phạm; Số tiền thực tế thu giữ trên chiếu bạc khi bắt quả tang chỉ có 120.000đ mà các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện 2.575.000đ là không đúng; Có dấu hiệu của việc ép cung, mớm cung, dùng nhục hình, đánh đập đối với các bị cáo để họ khai không đúng bản chất của sự việc. Toàn bộ các tài liệu, chứng cứ cấp sơ thẩm dùng để xác định các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều thu thập không đúng trình tự do pháp luật quy định và những vi phạm này cấp phúc thẩm không bổ sung được, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung, tránh oan sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, quá trình điều tra, Điều tra viên có thiếu sót, vi phạm như: Sau khi bắt giữ người, Điều tra viên và Cán bộ điều tra thực hiện việc thông báo cho gia đình người bị bắt không hợp lệ (gửi thông báo cho gia đình người bị bắt thông qua Công an xã nhưng sau đó Công an xã không gửi) là chưa đúng với quy định tại Điều 116 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; quá trình bắt quả tang khi lập biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, niêm phong, mở niêm phong đối với vật chứng không lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án là chưa đúng quy định tại Điều 90, Điều 105, Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khi trả lại tài sản cho những người liên quan, người làm chứng không ra quyết định về xử lý vật chứng là chưa đúng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuy nhiên những thiếu sót trên là thủ tục; không phải sai sót về nội dung và những tài liệu này không phải là chứng cứ duy nhất dùng để chứng minh sự việc phạm tội và người thực hiện hành vi phạm tội. Những thiếu sót này chỉ là sai sót trong quá trình tác nghiệp, không làm thay đổi bản chất vụ án nên vẫn có giá trị chứng minh sự việc phạm tội và xác định người thực hiện tội phạm. Tuy nhiên những thiếu sót trên của cơ quan điều tra đã làm các bị cáo và gia đình các bị cáo thắc mắc, không đồng ý dẫn đến việc khiếu nại. Sau khi có khiếu nại thì việc khiếu nại đã được Cơ quan điều tra Công an huyện T1 và Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài những thiếu sót trên thì các hành vi, quyết định tố tụng khác của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đầy

đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp, có giá trị chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Quá trình điều tra vụ án đã thể hiện rõ là sau khi bị bắt quả tang và những lời khai tiếp theo của các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C, Nguyễn Minh Đ1 khai nhận: Trước khi đánh bạc Phạm Văn T có 540.000đ, Tiếp sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc và đến khi bị bắt quả tang Tiếp vẫn còn 540.000đ, không thua, không thắng; bị cáo Khổng Văn N khai nhận rõ có 3.050.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, N bỏ ra 350.000đ đánh bạc và để trên chiếu, còn lại số tiền 2.700.000đ để trên người, nếu thua sẽ lấy số tiền trên ra để đánh bạc tiếp; bị cáo Trần Minh Chiến khai nhận có 700.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thắng 530.000đ nên khi Công an thu giữ trên người thì Chiến có tổng số tiền là 1.230.000đ; bị cáo Nguyễn Minh Đức khai nhận có 1.000.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị cáo vừa ngồi xuống chiếu và lên bài, chưa kịp đánh thì bị bắt quả tang; còn bị cáo Phạm Đình D1 cũng khai nhận có 800.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, đến khoảng hơn 14 giờ Diệm đứng dậy ra về lúc này Diệm bị thua 570.000đ nên còn lại số tiền là 230.000đ. Do vậy tổng số tiền xác định các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 8.275.000đ. Đến ngày 15/7/2019 các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N và Trần Minh C thay đổi nội dung lời khai, không thừa nhận tổng số tiền thu trên chiếu bạc là 2.575.000đ mà xác định số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 120.000đ; các bị cáo Khổng Văn N và Trần Minh C không thừa nhận số tiền thu trên người sử dụng vào việc đánh bạc; các bị cáo lý giải cho việc khai như trước đây là do bị đánh đập, bị ép cung, thiếu hiểu biết nên khai như vậy. Ngoài lời khai của các bị cáo, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai của những người làm chứng, bao gồm: A Phạm Văn Dương, anh Nguyễn Văn Lý, anh Nguyễn Đ1 Hồ, anh Nguyễn Văn Đạo, anh Trần Văn Thu, anh Trần Văn Toàn đã xác định rõ nội dung là khi các anh ngồi chơi uống nước, xem đánh bạc đến khoảng hơn 14 giờ thì Công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 2.575.000đ, 52 quân bài, 01 chiếu; ngoài ra còn thu giữ của Phạm Văn Tiếp 540.000đ, Khổng Văn N 2.700.000đ và của Trần Minh Chiến 1.230.000đ. Các đối tượng đều sử dụng vào việc đánh bạc.

Xét thấy lời khai của các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C, Nguyễn Minh Đ1 trong quá trình giải quyết vụ án trước ngày 15/7/2019 hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Từ ngày 15/7/2019 các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N và Trần Minh C thay đổi nội dung lời khai, không thừa nhận tổng số tiền thu trên chiếu bạc là 2.575.000đ mà xác định số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 120.000đ; ngoài ra các bị cáo Khổng Văn N và Trần Minh C không thừa

nhận số tiền thu trên người sử dụng vào việc đánh bạc luôn cho rằng việc khai như trước đây là do bị đánh đập, ép cung mà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án trong thời gian các bị cáo bị tạm giữ cũng như thời gian các bị cáo được tại ngoại đều khai báo trung thực những tình tiết liên quan đến vụ án không có ý kiến phản hồi gì về việc bị bức cung, dùng nhục hình, không có đơn thư gì về việc bị đánh đập mà đều thể hiện rõ việc khai báo tự nguyện, đúng sự thật. Do đó việc các bị cáo cho rằng bị ép buộc, bị đánh đập nên mới khai báo như vậy là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn việc các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C, Phạm Đình D1 cho rằng thiếu hiểu biết nên khai như vậy là không có căn cứ bởi lẽ các bị cáo đều là người có trình độ văn hóa lớp 12/12, có sự hiểu biết xã hội và hiểu biết pháp luật, bị cáo Phạm Văn T là cán bộ; các bị cáo Phạm Văn T, Trần Minh C và Khổng Văn N trước đây cũng như đang trong quá trình giải quyết vụ án này đã bị Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự xét xử về các tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Đánh bạc” nên việc lý giải là do không hiểu biết pháp luật khai như vậy là không có cơ sở.

Tổng hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật có đủ căn cứ xác định: Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Phạm Văn T, Trần Minh C, Khổng Văn N, Phạm Đình D1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Về kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn A thấy rằng: Nguyễn Văn A là chủ nhà, khi các bị cáo T, N, C, D1, Đ1 đánh bạc thì không biết do bận phục vụ đám cưới cho đến khi cơ quan công an bắt quả tang, không thực hiện việc thu tiền chiếu, không tạo điều kiện hoặc giúp sức cho việc đánh bạc. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn A là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình bắt người phạm tội quả tang, cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn A tiền và xác định rõ số tiền trên không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên đã trả lại cho Nguyễn Văn A. Do đó quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Văn A đã được bảo vệ, không bị xâm phạm; còn việc các cơ quan tiến hành tố tụng xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” không liên quan đến Nguyễn Văn A. Vì vậy kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn A không được Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Xét về những quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo:

- Về nội dung các bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng: Biên bản phạm pháp quả tang do Cơ quan điều tra Công an huyện T1 lập không đúng thời gian, địa điểm, nội dung ghi trong biên bản không đúng sự thật nên không có giá trị chứng minh thấy rằng: Mặc dù biên bản phạm pháp quả tang do cơ quan điều tra Công an huyện T1 lập không đúng về thời gian, địa điểm nhưng toàn bộ nội dung biên bản đã thể hiện rõ số lượng người tham gia đánh bạc bao gồm: T, N,

C, D1, Đ1; thể hiện rõ địa điểm đánh bạc tại nhà Nguyễn Văn A ở thôn S1, xã Đ, huyện T1; thể hiện hình thức đánh bạc là đánh “Sâm” ăn tiền; số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 2.575.000đ; số tiền cụ thể từng bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm...Toàn bộ những nội dung ghi trong biên bản hoàn toàn phù hợp, không có sự mâu thuẫn số tiền thu giữ tại chiếu bạc đã niêm phong được các bị cáo ký xác nhận; phù hợp với lời khai, bản tường trình của các bị cáo trước ngày 15/7/2019; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan nên có giá trị chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo từ sau ngày 15/7/2019 lại có sự thay đổi và một số người làm chứng có sự thay đổi lời khai nhưng sự thay đổi này mâu thuẫn với chính lời khai của họ, mâu thuẫn các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên không phù hợp, không được chấp nhận. Do đó việc các bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng biên bản phạm pháp quả tang do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập là không hợp pháp, không có giá trị chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc các bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng khi bắt giữ người phạm tội quả tang, Công an huyện T1 thu giữ tại chiếu bạc 120.000đ, không phải số tiền 2.575.000đ như trong biên bản phạm pháp quả tang thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi sâm ăn tiền, mức sát phạt nhau là 5.000đ/01 lá bài còn lại, ai bị treo phải trả cho người thắng 70.000đ; ai được sâm thì mỗi người phải trả 100.000đ thành tổng số 300.000đ. Các bị cáo thừa nhận đánh bạc trong thời gian từ 13 giờ đến 14 giờ ngày 18/3/2019 thì bị phát hiện, bắt giữ và quá trình đánh bạc bị cáo T không thắng, không thua; bị cáo N bỏ ra 350.000đ đánh bạc; bị cáo C đang thắng 530.000đ; bị cáo Đ1 sử dụng 1.000.000đ vào việc thực hiện tội phạm; còn bị cáo D1 ra về trước và bị thua số tiền 570.000đ. Ngoài ra, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản phạm pháp quả tang; Vật chứng niêm phong có chữ ký của các bị cáo; Các lời khai, bản tự khai của các bị cáo; Lời khai của người liên quan, người làm chứng đều thể hiện số tiền thu giữ trên chiếu bạc trên chiếu bạc là 2.575.000đ. Do đó các bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng số tiền thu giữ trên chiếu bạc khi bắt giữ chỉ có 120.000đ là không phù hợp thực tế về hình thức đánh bạc là chơi sâm và mức sát phạt nhau theo thỏa thuận 5.000đ/01 lá bài còn lại, treo là 70.000đ và sâm là 100.000đ; không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc các bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng quá trình giải quyết vụ án bị đánh đập, ép cung, dùng nhục hình, thiếu hiểu biết pháp luật nên khai báo theo sự hướng dẫn của cơ quan điều tra nhưng không cung cấp được tài liệu, căn cứ gì chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do các bị cáo cung cấp trong quá trình xét xử phúc thẩm thể hiện nội dung có sự thay đổi lời khai của người làm chứng thấy rằng: Lời khai của người làm chứng, liên

quan trọng quá trình giải quyết vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật có nội dung phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (Lời khai của bị cáo, người liên quan, các biên bản do cơ quan điều tra lập...) là có căn cứ, được chấp nhận. Người làm chứng thay đổi lời khai thì mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, mâu thuẫn với chính lời khai của họ trong quá trình giải quyết vụ án nên không được chấp nhận.

- Về một số nội dung đề nghị của các bị cáo, Luật sư bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu do các bị cáo xuất trình thấy không liên quan đến việc xác định các bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tóm lại: Khi xem xét, đánh giá bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào thì chúng ta cần phải nhìn nhận, đánh giá một cách tổng thể, toàn diện với cái nhìn khách quan, chân thực. Nếu chúng ta nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng đó một cách phiến diện, một chiều dựa trên nhận thức ý chí chủ quan thì không thấy rõ bản chất sự vật, hiện tượng đó. Trong vụ án này, tổng hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Phạm Đình D1, Trần Minh C và Nguyễn Minh Đ1 thực hiện hành vi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi sâm tại gia đình Nguyễn Văn A ở thôn S1, xã Đ, huyện T1 thì bị phát hiện bắt giữ. Quá trình điều tra xác định rõ tổng số tiền các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Phạm Đình D1, Trần Minh C và Nguyễn Minh Đ1 sử dụng vào việc thực hiện tội phạm là 8.275.000đ. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện và Tòa án nhân dân huyện T1 xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Vì vậy kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Phạm Đình D1 và Trần Minh C không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, không xem xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Trần Minh C, Khổng Văn N và Phạm Đình D1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 07 ngày 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C và Phạm Đình D1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Khổng Văn N 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Minh C 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 27/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Đình D1 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Phạm Văn T, Khổng Văn N, Trần Minh C và Phạm Đình D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T1;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn